

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG



**DANH MỤC BỘ MÃ TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG**

Hải Phòng, năm 2022

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP

Số: 48 /QĐ-CĐCNHP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định danh mục bộ mã sử dụng trong trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Thực hiện theo Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Theo đề nghị của Ông trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH;

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định bộ mã sử dụng trong trường Cao đẳng Công nghiệp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành;

Điều 3. Các Ông (Bà) trưởng khoa, phòng, tổ môn, các đơn vị có liên quan và người học căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Các đơn vị (để thực hiện);
- Lưu VT, ĐT.



QUY ĐỊNH

Danh mục bộ mã sử dụng trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CĐCNHP ngày tháng 3 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định ký hiệu và mã số để thống nhất sử dụng trong tất cả các loại hồ sơ học vụ theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng.

Quy định này áp dụng cho khóa tuyển sinh 2022 trở về sau. Học sinh - sinh viên chuyển từ các khóa trước (hoặc từ trường khác đến) xuống khóa tuyển sinh 2022 được áp dụng các đánh mã số theo quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Để thống nhất cách gọi trong trường, văn bản này quy định một số từ ngữ để sử dụng chung trong trường về quản lý đào tạo.

Trình độ đào tạo là cụm từ để phân biệt các bậc học khác nhau: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp, Sau đây gọi tắt là trình độ.

Loại hình đào tạo là cụm từ để phân biệt các phương thức đào tạo khác nhau: Chính quy, Vừa làm vừa học,

Lớp niên khóa là lớp cùng một khóa tuyển sinh, cùng trình độ và cùng loại hình đào tạo.

Điều 3. Mã trình độ - Loại hình đào tạo

Bảng mã trình độ đào tạo		Bảng mã loại hình đào tạo	
Trình độ đào tạo	Ký hiệu	Loại hình đào tạo	Ký hiệu
Sơ cấp I	1	Chính quy	A
Sơ cấp II	2	Vừa làm vừa học	B
Sơ cấp III	3	Từ xa	C
Trung cấp	5		
Cao đẳng	6		

Điều 4. Mã ngành, nghề

Tên nghề		Trình độ đào tạo	Mã nghề	Nhóm nghề	Ngành
Tiếng Việt	Tiếng Anh				
Công nghệ ô tô	Automobile production engineering	Cao đẳng	6510216	Công nghệ kỹ thuật cơ khí/Mechanical engineering	Công nghệ kỹ thuật /Engineering
		Trung cấp	5510216		
Cắt gọt kim loại	Metal Cutting	Cao đẳng	6520121	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật /Mechanics and mechanical engineering	Kỹ thuật/Technology
		Trung cấp	5520121		
Điện công nghiệp	Industrial electrics	Cao đẳng	6520227	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông/Electrical, electronic engineering and telecommunications	Kỹ thuật/Technology
		Trung cấp	5520227		
Điện tử công nghiệp	Industrial electronics	Cao đẳng	6520225	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông/Electrical, electronic engineering and telecommunications	Kỹ thuật/Technology
		Trung cấp	5520225		
Hàn	Welding	Cao đẳng	6520123	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật /Mechanics and mechanical engineering	Kỹ thuật/Technology
		Trung cấp	5520123		
Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Air-condition and climate technology	Cao đẳng	6520205	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông/Electrical, electronic engineering and telecommunications	Kỹ thuật/Technology
		Trung cấp	5520205		

Tên nghề		Trình độ đào tạo	Mã nghề	Nhóm nghề	Ngành
Tiếng Việt	Tiếng Anh				
Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Computer repair and installation technique	Cao đẳng	6480102	Máy tính/Computer	Máy tính và công nghệ thông tin/ Computer and Information Technology
		Trung cấp	5480102		
Ngụội sửa chữa máy công cụ	Machine tool cold repair	Trung cấp	5520126	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật /Mechanics and mechanical engineering	Kỹ thuật/Technology
Quản trị mạng máy tính	Computer network administration	Cao đẳng	6480209	Công nghệ thông tin/Information Technology	Máy tính và công nghệ thông tin/ Computer and Information Technology

Điều 5. Mã chương trình đào tạo

Mã chương trình đào tạo gồm 11 ký tự: ABCCCCCCCDD

- A (01 ký tự) : Trình độ đào tạo, quy định theo điều 3
 B (01 ký tự) : Loại hình đào tạo, quy định theo điều 3
 CCCCCC (07 ký tự) : Mã nghề, quy định theo điều 4
 DD (02 ký tự) : Khóa đào tạo (02 số cuối của năm tuyển sinh).

Điều 6. Mã môn học/Mô đun

Mã môn học/mô đun gồm 12 ký tự: ABCCDD

- A (01 ký tự) : Trình độ đào tạo
 B (01 ký tự) : Loại hình đào tạo
 CCCCCC (07 ký tự) : Mã nghề
 DDD (03 ký tự) : Số thứ tự môn học/mô đun trong chương trình đào tạo

Ví dụ: Môn học đầu tiên của nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng ở loại hình đào tạo chính quy có mã là: **6A6520227001**

Lưu ý: các môn học thuộc môn chung gồm 07 ký tự: AABCCC

- AA (02 ký tự) : MC (môn chung)
 B (01 ký tự) : Trình độ đào tạo
 C (01 ký tự) : Loại hình đào tạo
 DDD (03 ký tự) : Số thứ tự môn học chung

Ví dụ: Môn chung đầu tiên của Trường trình độ cao đẳng ở loại hình đào tạo chính quy có mã là: **MC6A001**

Điều 7. Mã học sinh - sinh viên

Mã số học sinh - sinh viên gồm 14 ký tự: AABCCCCCCCCDDDD

- AA (02 ký tự) : Hai số cuối của năm tuyển sinh
 B (01 ký tự) : Loại hình đào tạo
 CCCCCC (07 ký tự) : Mã nghề
 DDDD (04 ký tự) : Số thứ tự của sinh viên, học viên theo từng ngành từ 0001 đến 9999.

Ví dụ: **22A65202270001** (Khóa tuyển sinh năm 2022 hệ Cao đẳng chính quy nghề Điện công nghiệp, sinh viên thứ nhất).

Điều 8. Mã lớp

Mã lớp gồm 13 ký tự: AABBBCCCCCCCCDD

AA (02 ký tự) : Hai số cuối của năm tuyển sinh
 BB (02 ký tự) : Trình độ + Loại hình đào tạo, quy định theo điều 3
 CCCCCC (07 ký tự) : Mã nghề
 DD (02 ký tự) : Số thứ tự lớp

Ví dụ: **226A652022701** (Khóa tuyển sinh năm 2022 hệ Cao đẳng chính quy nghề Điện công nghiệp, lớp một).

Điều 9. Mã lớp theo môn học/mô đun

Mã lớp theo môn học/mô đun gồm 14 ký tự : AAAAAAAAAAAAAABC

AAAAAAAAAAAAA (12 ký tự) : Mã học phần
 B (01 ký tự) : Học kỳ tổ chức học
 C (01 ký tự) : Số thứ tự lớp theo môn học/mô đun

Ví dụ: Lớp học thứ nhất của môn An toàn điện tổ chức ở Học kỳ II có mã là: **6A652022700721**

Điều 10. Mã đơn vị

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Ký hiệu
1	Ban Giám hiệu	BGH	B01
2	Phòng Tổ chức – Hành chính	PTCHC	P01
3	Phòng Đào tạo	PĐT	P02
4	Phòng Công tác học sinh	PCTHS	P03
5	Phòng Tài vụ	PTV	P04
6	Phòng Quản trị - Đời sống	PQTĐS	P05
7	Khoa Cơ bản	KCB	K01
8	Khoa Điện	KĐ	K02
9	Khoa Điện tử	KĐT	K03

10	Khoa Cơ khí	KCK	K04
11	Khoa Công nghệ thông tin	KCNTT	K05

Điều 11. Mã cán bộ, viên chức/nhà giáo

Mã cán bộ, viên chức, nhà giáo do phần mềm Quản lý dữ liệu giáo dục nghề nghiệp tự gán. Có danh sách riêng.

Điều 12. Mã phòng học

STT	Tên/tính chất phòng	Mã phòng
1	Phòng học (lý thuyết)	PH
2	Phòng thực hành	TH
3	Phòng thí nghiệm	TN
4	Phòng thực hành máy tính	MT
5	Hội trường	HT

Lưu ý: Mã tên phòng học được quy ước là 06 ký tự, được đánh số theo dãy nhà bắt đầu từ A cho nhà A, tiếp theo là B, C, ... tương ứng với các dãy nhà, bắt đầu từ 1 cho tầng 1 và tiếp theo là 2, 3,... tương ứng với các tầng; đồng thời trong từng tầng đánh số thứ tự phòng từ 1 cho đến hết. Ví dụ: nhà A tầng 1 gồm các phòng: A001, A002, A003, ...; tầng 1 gồm các phòng: A101, A102, A103,...; tầng 2 gồm các phòng: A201, A202, A203,

Mã phòng học qui ước theo cấu trúc: ABBCCC

A: Mã dãy nhà

BB: Mã phòng học

CCC: Số thứ tự phòng học

Ví dụ: Dãy nhà B, phòng học lý thuyết, phòng 104, có mã là: **BPH104**

Điều 13. Điều khoản thi hành

Giao cho phòng Đào tạo chủ trì trong việc quản lý và triển khai danh mục bộ mã theo học chế tín chỉ cho toàn Trường. Trong trường hợp phát sinh hoặc có nhu cầu điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, cần tham mưu và đề xuất Hiệu trưởng để kịp thời giải quyết./.